

-----o0o-----

Số: 73/2026/MCM/BCQT

-----o0o-----

Son La, ngày 28 tháng 07 năm 2026

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NIÊM YẾT  
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE  
(6 tháng năm 2026/The first half of 2026)**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ The State Securities Commission;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh Stock Exchange.**

- Tên công ty niêm yết/*Name of company*: Công ty CP Giồng bò sữa Mộc Châu/ MOCCHAU DAIRY CATTLE BREEDING JOINT STOCK COMPANY

- Địa chỉ trụ sở chính/*Address of headoffice*: Số 912 đường Thảo Nguyên, Phường Thảo Nguyên, Tỉnh Sơn La/ No. 912 Thao Nguyen Street, Thao Nguyen Ward, Son La Province.

- Điện thoại/*Telephone*: 02123 866065

Fax: 02123 866184

- Email: mocchaumilk@mcmilk.com.vn

- Vốn điều lệ/*Charter capital*: 1.100.000.000.000 đồng/VND

- Mã chứng khoán/*Stock symbol*: MCM

- Mô hình quản trị công ty/*Governance model*: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc/Giám đốc/*General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, General Director and Director*.

- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ/*The implementation of internal audit*: Đã thực hiện/*Implemented*.

**I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/*Activities of the General Meeting of Shareholders***

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/ *Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments)*:

| <b>Stt<br/>No.</b> | <b>Số Nghị quyết/ Quyết<br/>định<br/>Resolution/Decision<br/>No.</b> | <b>Ngày<br/>Date</b> | <b>Nội dung<br/>Content</b>                                                                                                                                                                 |
|--------------------|----------------------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1                  | 01/NQ-<br>ĐHĐCĐ/MCM/2026                                             | 20/04/2026           | Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026/<br><i>Resolution of the 2026 Annual General Meeting of<br/>Shareholders:</i><br><br>- Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị cho năm |

|  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|--|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  |  | <p>2025/ <i>Approved the Board of Directors' Report for 2025.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát cho năm 2025/ <i>Approved the Supervisory Board's Report for 2025.</i></li> <li>- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 được kiểm toán/ <i>Approved the audited financial statements for 2025.</i></li> <li>- Thông qua Báo cáo tình hình sử dụng vốn đã kiểm toán trong năm 2025/ <i>Approved the audited report on the use of capital in 2025.</i></li> <li>- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025/ <i>Approved the profit distribution plan for 2025.</i></li> <li>- Thông qua Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2026/ <i>Approved the revenue and profit plan for 2026.</i></li> <li>- Thông qua Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026/ <i>Approved the profit distribution plan for 2026.</i></li> <li>- Thông qua lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026/ <i>Approved the selection of the auditing firm for the 2026 financial statements.</i></li> <li>- Thông qua Kế hoạch chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2026/ <i>Approved the remuneration plan for the Board of Directors and the Supervisory Board for 2026.</i></li> <li>- Thông qua điều chỉnh ngành nghề kinh doanh của công ty/ <i>Approving the adjustment of the company's business lines.</i></li> <li>- Thông qua sửa đổi điều lệ công ty/ <i>Approving the amendments to the company's charter.</i></li> <li>- Thông qua hoàn nhập số dư Quỹ đầu tư phát triển về lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ <i>Approving the reversal of the Development Investment Fund balance into undistributed post-tax profits.</i></li> </ul> |
|--|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

## II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng năm 2026)/Board of Directors (Report for the first half of 2026)

### 1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/Information about the members of the Board of Directors

| STT<br>No. | Thành viên HĐQT<br><i>Board of Directors' members</i> | Chức vụ<br><i>Position</i>                                         | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/<br>HĐQT độc lập<br><br><i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors</i>                                                                                                                            |                                             |
|------------|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|
|            |                                                       |                                                                    | Ngày bắt đầu<br><i>Date of appointment</i>                                                                                                                                                                                                                               | Ngày miễn nhiệm<br><i>Date of dismissal</i> |
| 1          | Bà/Ms. Mai Kiều Liên                                  | Chủ tịch HĐQT<br><i>Chairwoman</i>                                 | Bắt đầu từ 16/02/2020<br>Tiếp tục được bầu là TV<br>HĐQT nhiệm kỳ 2025 –<br>2029 từ 23/04/2025<br><i>Becoming from February 16,<br/>2020<br/>Re-elected as a Member of<br/>the Board of Directors for<br/>the 2025–2029 term starting<br/>from April 23, 2025</i>        |                                             |
| 2          | Ông/Mr. Phạm Hải Nam                                  | Thành viên điều<br>hành<br><i>Executive<br/>Director</i>           | Bắt đầu từ 16/02/2020<br>Tiếp tục được bầu là TV<br>HĐQT nhiệm kỳ 2025 –<br>2029 từ 23/04/2025<br><i>Becoming from February 16,<br/>2020<br/>Re-elected as a Member of<br/>the Board of Directors for<br/>the 2025–2029 term,<br/>effective from April 23,<br/>2025.</i> |                                             |
| 3          | Ông/Mr. Lê Hoàng<br>Minh                              | Thành viên<br>không điều hành<br><i>Non-executive<br/>Director</i> | Bắt đầu từ 27/04/2023<br>Tiếp tục được bầu là TV<br>HĐQT nhiệm kỳ 2025 –<br>2029 từ 23/04/2025<br><i>Becoming from April 27,<br/>2023<br/>Re-elected as a Member of<br/>the Board of Directors for<br/>the 2025–2029 term,<br/>effective from April 23,<br/>2025.</i>    |                                             |
| 4          | Ông/ Mr. Đoàn Quốc<br>Khánh                           | Thành viên<br>không điều hành<br><i>Non-executive<br/>Director</i> | Bắt đầu từ 23/04/2024<br>Tiếp tục được bầu là TV<br>HĐQT nhiệm kỳ 2025 –<br>2029 từ 23/04/2025<br><i>Becoming from April 23,<br/>2024</i>                                                                                                                                |                                             |

|   |                        |                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                  |  |
|---|------------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|   |                        |                                                 | <i>Re-elected as a Member of the Board of Directors for the 2025–2029 term, effective from April 23, 2025.</i>                                                                                                                                   |  |
| 5 | Ông/Mr. Hoàng Văn Chất | Thành viên độc lập<br><i>Independent member</i> | Bắt đầu từ 30/03/2022<br>Tiếp tục được bầu là TV HĐQT nhiệm kỳ 2025 – 2029 từ 23/04/2025<br><i>Becoming from March 30, 2022</i><br><i>Re-elected as a Member of the Board of Directors for the 2025–2029 term, effective from April 23, 2025</i> |  |

## 2. Các cuộc họp HĐQT/ *Board of Directors' meetings*

| STT<br><i>No.</i> | Thành viên HĐQT<br><i>Board of Director' member</i> | Số buổi họp<br>HĐQT tham<br>dự/lấy ý kiến bằng<br>văn bản<br><i>Number of<br/>meetings<br/>attended, written<br/>consent by<br/>Board of<br/>Directors</i> | Tỷ lệ tham dự<br>họp/lấy ý kiến bằng<br>văn bản<br><i>Attendance rate</i> | Lý do không<br>tham dự họp/lấy<br>ý kiến bằng văn<br>bản<br><i>Reasons for<br/>absence</i> |
|-------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1                 | Bà/Ms. Mai Kiều Liên                                | 13/13                                                                                                                                                      | 100%                                                                      |                                                                                            |
| 2                 | Ông/Mr. Phạm Hải Nam                                | 13/13                                                                                                                                                      | 100%                                                                      |                                                                                            |
| 3                 | Ông/Mr. Lê Hoàng Minh                               | 13/13                                                                                                                                                      | 100%                                                                      |                                                                                            |
| 4                 | Ông/Mr. Đoàn Quốc Khánh                             | 13/13                                                                                                                                                      | 100%                                                                      |                                                                                            |
| 5                 | Ông/Mr. Hoàng Văn Chất                              | 13/13                                                                                                                                                      | 100%                                                                      |                                                                                            |

## 3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc (*Supervising the Board of Management by the Board of Directors*) :

- Thông qua các nội dung báo cáo của HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban điều hành về tình hình hoạt động và sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2026/*Approval of the reports from the Board of Directors, Supervisory Board, and Executive Board on the company's operational and business performance for 2025;*
- Chuẩn bị và Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ngày 20/04/2026/*Preparation and organization of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders on April 20, 2026;*
- Thông qua Báo cáo tài chính 2025 đã được kiểm toán/*Approval of the audited 2025 financial statements;*
- Thông qua các tờ trình tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026/*Approval of the proposals presented at the 2026 Annual General Meeting of Shareholders;*
- Triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026/*Implementation of the 2026*

*production and business plan;*

- Thông qua Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2025, Quý 1 năm 2026; và Báo cáo tài chính năm 2025/*Approval of the financial reports for Q4 2025, Q1 2026; and financial report for the 2025.*

**4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any):*** Không có/*None*

**5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng năm 2026)/*Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Report for the first half of 2026):***

| Stt No. | Số Nghị quyết/ Quyết định<br><i>Resolution/Decision No.</i> | Ngày<br><i>Date</i> | Nội dung<br><i>Content</i>                                                                                                                                                                                                                | Tỷ lệ thông qua<br><i>Approval rate</i> |
|---------|-------------------------------------------------------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| 1       | 05/NQ-HĐQT/MCM/2026                                         | 29/01/2026          | Nghị quyết HĐQT thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026/ <i>Resolution of the Board of Directors approving the plan to organize the 2026 Annual General Meeting of Shareholders.</i>                         | 100%                                    |
| 2       | 08/NQ-HĐQT/MCM/2026                                         | 29/01/2026          | Nghị quyết HĐQT thông qua kế hoạch chi Quỹ khen thưởng phúc lợi Quý 1/2026/ <i>Resolution of the Board of Directors approving the plan for the Q1/2026 allocation of the Bonus and Welfare Fund.</i>                                      | 100%                                    |
| 3       | 11/NQ-HĐQT/MCM/2026                                         | 09/02/2026          | Nghị quyết HĐQT bổ nhiệm thư ký công ty Ông Lê Huy Bích, Ông Lưu Thanh Tùng, Ông Đặng Minh Tuấn/ <i>Resolution of the Board of Directors appointing Company Secretaries: Mr. Le Huy Bich, Mr. Luu Thanh Tung, and Mr. Dang Minh Tuan.</i> | 100%                                    |
| 4       | 15/NQ-HĐQT/MCM/2026                                         | 25/02/2026          | Nghị quyết HĐQT thông qua giao dịch với Công ty TNHH Phát triển Lào – Jagro Xiêng Khoảng/ <i>Resolution of the Board of Directors approving the transaction with Lao - Jagro Xiengkhouang Development Co., Ltd.</i>                       | 100%                                    |
| 5       | 19/NQ-HĐQT/MCM/2026                                         | 12/03/2026          | Nghị quyết HĐQT thông qua Báo cáo tổng kết kiểm toán năm 2025 và kế hoạch kiểm toán 2026/ <i>Resolution of the Board of Directors approving the 2025 Audit Summary Report and the 2026 Audit Plan.</i>                                    | 100%                                    |
| 6       | 25/NQ-HĐQT/MCM/2026                                         | 24/03/2026          | Nghị quyết HĐQT thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh 2026/ <i>Resolution of the Board of Directors approving the 2026 Business and Production Plan.</i>                                                                                 | 100%                                    |

| Stt<br>No. | Số Nghị quyết/ Quyết<br>định<br><i>Resolution/Decision<br/>No.</i> | Ngày<br><i>Date</i> | Nội dung<br><i>Content</i>                                                                                                                                                                                                                   | Tỷ lệ thông<br>qua<br><i>Approval rate</i> |
|------------|--------------------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| 7          | 27/NQ-<br>HĐQT/MCM/2026                                            | 24/03/2026          | Nghị quyết HĐQT thông qua kế hoạch đầu tư và giải ngân 2026/ <i>Resolution of the Board of Directors approving the 2026 Investment and Disbursement Plan.</i>                                                                                | 100%                                       |
| 8          | 30/NQ-<br>HĐQT/MCM/2026                                            | 27/03/2026          | Nghị quyết HĐQT thông qua giao dịch với bên liên quan/ <i>Resolution of the Board of Directors approving transactions with related parties.</i>                                                                                              | 100%                                       |
| 9          | 35/NQ-<br>HĐQT/MCM/2026                                            | 30/03/2026          | Nghị quyết HĐQT thông qua tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026/ <i>Resolution of the Board of Directors approving the documents for the 2026 Annual General Meeting of Shareholders.</i>                                       | 100%                                       |
| 10         | 39/NQ-<br>HĐQT/MCM/2026                                            | 07/04/2026          | Nghị quyết HĐQT thông qua giao dịch với Công ty Cổ Phần Đường Việt Nam/ <i>Resolution of the Board of Directors approving the transaction with Vietnam Sugar Joint Stock Company.</i>                                                        | 100%                                       |
| 11         | 42/NQ-<br>HĐQT/MCM/2026                                            | 15/04/2026          | Nghị quyết HĐQT thông qua kế hoạch chi Quỹ khen thưởng phúc lợi Quý 2/2026/ <i>Resolution of the Board of Directors approving the plan for the Q2/2026 allocation of the Bonus and Welfare Fund.</i>                                         | 100%                                       |
| 12         | 48/NQ-<br>HĐQT/MCM/2026                                            | 12/05/2026          | Nghị quyết HĐQT thông qua việc chi trả cổ tức còn lại của năm tài chính 2025 bằng tiền/ <i>Resolution of the Board of Directors approving the cash payment of the remaining dividend for the 2025 financial year.</i>                        | 100%                                       |
| 13         | 55/NQ-<br>HĐQT/MCM/2026                                            | 10/06/2026          | Nghị quyết HĐQT điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án Tổ hợp trang trại sinh thái, bò sữa công nghệ cao Mộc Châu/ <i>Resolution of the Board of Directors approving the cash payment of the remaining dividend for the 2025 financial year.</i> | 100%                                       |
| 14         | 59/NQ-<br>HĐQT/MCM/2026                                            | 24/06/2026          | Nghị quyết HĐQT thông qua lựa chọn Công ty TNHH KPMG là đơn vị thực hiện soát xét và kiểm toán Báo cáo tài chính bán niên và năm cho năm tài                                                                                                 |                                            |

| Stt<br>No. | Số Nghị quyết/ Quyết<br>định<br><i>Resolution/Decision<br/>No.</i> | Ngày<br><i>Date</i> | Nội dung<br><i>Content</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Tỷ lệ thông<br>qua<br><i>Approval rate</i> |
|------------|--------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
|            |                                                                    |                     | chính 2026 của Công ty Cổ Phần<br>Giống Bò sữa Mộc Châu/ <i>Approving<br/>the selection of KPMG Company<br/>Limited as the auditor to perform the<br/>review of the semi-annual financial<br/>statements and the audit of the full-<br/>year financial statements for the 2026<br/>fiscal year of Moc Chau Dairy Cattle<br/>Breeding Joint Stock Company</i> |                                            |

### III. Ban kiểm soát (Báo cáo 6 tháng năm 2026)/ *Board of Supervisors (Report for the first half of 2026)*

#### 1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/*Information about members of Board of Supervisors:*

| STT<br>No. | Thành viên BKS<br><i>Members of Board of Supervisors</i> | Chức vụ<br><i>Position</i>                         | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/<br><i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Supervisors</i>                                                                                                                | Trình độ chuyên môn<br><i>Qualification</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|------------|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | Bà/Ms. Trần Thái Thoại Trân                              | Trưởng BKS<br><i>Head of the Supervisory Board</i> | Bắt đầu từ 23/04/2024<br>Tiếp tục được bầu là Trưởng BKS nhiệm kỳ 2025 – 2029 từ 23/04/2025<br><i>Becoming from April 23, 2024<br/>Re-elected as Head of the Supervisory Board for the 2025–2029 term, effective from April 23, 2025.</i> | Cử nhân chuyên ngành Kế toán kiểm toán<br><i>Bachelor's degree in Accounting and Auditing</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 2          | Ông/Mr. Trịnh Công Sơn                                   | Thành viên<br><i>Member</i>                        | Bắt đầu từ 16/02/2020<br>Tiếp tục được bầu là thành viên BKS từ 23/04/2025<br><i>Becoming from February 16, 2020<br/>Re-elected as a Member of the Supervisory Board from April 23, 2025</i>                                              | Cử nhân kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh<br><i>Bachelor's Degree in Auditing, University of Economics Ho Chi Minh City</i><br>Thành viên kỳ cựu Hiệp hội kế toán công chứng Anh ACCA, Chứng chỉ Kiểm toán viên Việt Nam (CPA Việt Nam)/<br><i>Fellow member of the Association of Chartered Certified Accountants (ACCA), Certified Public Accountant Vietnam (CPA Vietnam)</i> |
| 3          | Bà/Ms. Nguyễn Hải Hoài Anh                               | Thành viên<br><i>Member</i>                        | Bắt đầu từ 23/04/2025<br><i>Becoming from April 23, 2025</i>                                                                                                                                                                              | Cử nhân Công nghệ thực phẩm/ <i>Bachelor's Degree in Food Technology</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |

#### 2. Cuộc họp của BKS/ *Meetings of Board of Supervisors:*

| STT<br>No. | Thành viên BKS<br><i>Members of Board of Supervisors</i> | Số buổi họp BKS<br>tham dự/lấy ý<br>kiến bằng văn<br>bản<br><i>Number of<br/>meetings<br/>attended</i> | Tỷ lệ tham dự<br>họp/lấy ý kiến<br>bằng văn bản<br><i>Attendance<br/>rate</i> | Tỷ lệ<br>biểu<br>quyết<br><i>Voting<br/>rate</i> | Lý do<br>không tham<br>dự họp/lấy<br>ý kiến bằng<br>văn bản |
|------------|----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| 1          | Bà/Ms. Trần Thái Thoại<br>Trân                           | 2/2                                                                                                    | 100%                                                                          | 100%                                             |                                                             |
| 2          | Ông/Mr. Trịnh Công Sơn                                   | 2/2                                                                                                    | 100%                                                                          | 100%                                             |                                                             |
| 3          | Bà/Ms. Nguyễn Hải Hoài<br>Anh                            | 2/2                                                                                                    | 100%                                                                          | 100%                                             |                                                             |

**3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành/ *Supervising Board of Directors, Board of Management by Board of Supervisors:***

BKS thực hiện chức năng giám sát công tác quản lý, điều hành của HĐQT, Ban Giám đốc và hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty thông qua việc tham dự, trình báo cáo hoạt động của BKS tại Đại hội đồng cổ đông, tham dự, đóng góp ý kiến tại các phiên họp của HĐQT; giám sát việc thực hiện lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên HĐQT và thông qua các báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm của Công ty; đưa ra các kiến nghị, đề xuất liên quan đến công tác quản trị, điều hành; công tác triển khai và quản lý dự án/ *The Board of Supervisors performs its function of overseeing the management and operations of the Board of Directors, the Executive Board, and the company's business activities by attending and presenting the Board of Supervisors' activity report at the General Shareholders' Meeting, participating in and contributing opinions at the meetings of the Board of Directors; monitoring the process of collecting votes from the Board members and reviewing the quarterly financial reports, semi-annual financial reports and annual financial reports of the Company; making recommendations and proposals related to management and operations and the implementation and management of projects.*

Các hoạt động chủ yếu của BKS bao gồm/ *The main activities of the Board of Supervisors include:*

- Kiến nghị và đề xuất danh sách đơn vị kiểm toán độc lập được chấp thuận để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên/ *Recommending a list of independent audit firms for approval to be presented at the Annual General Shareholders' Meeting.*
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính năm của Công ty/ *Review the completeness, validity and accuracy of quarterly financial reports and annual financial reports of the Company.*
- Đánh giá hiệu quả quản lý, hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc và tình hình sản xuất, kinh doanh của Công ty thông qua báo cáo tài chính và các báo cáo định kỳ của HĐQT, Ban Giám đốc/ *Evaluating the effectiveness of the management and operations of the Board of Directors, the Executive Board, and the company's business activities based on financial statements and periodic reports from the Board of Directors and the Executive Board.*

**4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/ *The coordination among the Board of Supervisors, the Board of Management, Board of Directors and other managers:***

BKS thường xuyên nhận được sự phối hợp chặt chẽ từ phía HĐQT, Tổng Giám Đốc và Ban Giám đốc, và được tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện nhiệm vụ giám sát của mình, thông qua việc được

cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin liên quan đến tình hình quản trị Công Ty, các hoạt động kinh doanh cũng như tình hình tài chính của Công Ty./ *The Board of Supervisors regularly received close coordination from the Board of Directors, the General Director and the Executive Board, and was facilitated to perform its supervisory duties, through being provided with full documents and information related to the Company's governance, business activities as well as the Company's financial situation.*

BKS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Tổng Giám Đốc trong công tác kiểm tra, giám sát để có những biện pháp xử lý kịp thời những vấn đề tồn tại nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, đảm bảo tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định hiện hành của pháp luật. / *The Board of Supervisors has closely coordinated with the Board of Directors and the General Director in inspection and supervision work to take timely measures to handle existing problems in order to improve management efficiency, ensuring proper and full compliance with current legal regulations.*

BKS không nhận được ý kiến, kiến nghị nào từ cơ quan quản lý Nhà nước cũng như các cổ đông./ *The Board of Supervisors did not receive any comments or recommendations from State management agencies or shareholders.*

5. Hoạt động khác của BKS/ Other activities of the Board of Supervisors: Trong năm 2026, BKS đã cùng với Phòng Kiểm toán nội bộ và Ban Giám đốc thảo luận và đề xuất chương trình kiểm toán năm 2026./ *In 2026, the Supervisory Board worked together with the Internal Audit Department and the Board of Directors to discuss and propose the audit program for 2026.*

#### IV. Ban điều hành/ *Board of Management*

| STT<br>No. | Thành viên Ban điều hành<br><i>Members of Board of Management</i> | Ngày tháng năm sinh<br><i>Date of birth</i> | Trình độ chuyên môn<br><i>Qualification</i>                                                                                        | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành<br><i>Date of appointment/ dismissal of members of the Board of Management/</i>                        |                                            |
|------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
|            |                                                                   |                                             |                                                                                                                                    | Ngày bổ nhiệm<br><i>Date of appointment</i>                                                                                                               | Ngày miễn nhiệm<br><i>Date of dimissal</i> |
| 1          | Mr/Ông. Phạm Hải Nam                                              | 11/10/1969                                  | Kỹ sư chăn nuôi<br><i>Livestock Engineer</i>                                                                                       | Từ ngày 01/02/2020<br>Tiếp tục bổ nhiệm Tổng Giám đốc từ ngày 10/07/2026<br><i>From February 1, 2020 Reappointed as CEO effective from July 10, 2026.</i> |                                            |
| 2          | Mr/Ông. Nguyễn Sỹ Quang                                           | 01/7/1968                                   | Kỹ sư chăn nuôi – thú y<br><i>Livestock and Veterinary Engineer</i>                                                                | Từ ngày 01/03/2020<br><i>From March 1, 2020</i>                                                                                                           |                                            |
| 3          | Mr/Ông. Lê Huy Bích                                               | 22/05/1989                                  | Thạc sỹ Tài chính<br><i>Master's degree in Finance</i>                                                                             | Từ ngày 10/04/2024<br><i>From April 10, 2024</i>                                                                                                          |                                            |
| 4          | Mr/Ông Ngô Công Thắng                                             | 07/08/1981                                  | Cử nhân sinh học<br><i>Bachelor's degree in Biology</i><br>Thạc sỹ Quản trị kinh doanh<br><i>Master of Business Administration</i> | Từ ngày 19/08/2025<br><i>From August 19, 2025</i>                                                                                                         |                                            |

**V. Kế toán trưởng/ Chief Accountant**

| STT<br>No. | Họ và tên<br>Name        | Ngày tháng<br>năm sinh<br>Date of<br>birth | Trình độ chuyên<br>môn nghiệp vụ<br>Qualification                                 | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm<br>Date of appointment/ dismissal |                                            |
|------------|--------------------------|--------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
|            |                          |                                            |                                                                                   | Ngày bổ nhiệm<br>Date of<br>appointment                     | Ngày miễn<br>nhiệm<br>Date of<br>dismissal |
| 1          | Mr/Ông. Nguyễn Anh<br>Tú | 26/2/1978                                  | Cử nhân Tài chính<br>Kế toán<br>Bachelor's degree<br>in Finance and<br>Accounting | Từ ngày<br>10/06/2020<br>From June 10,<br>2020              |                                            |

**VI. Đào tạo về quản trị công ty/Training courses on corporate governance:**

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Directors, the Board of Supervisors, Director (General Director), other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance:

Ông Lê Huy Bích – Phó Tổng Giám đốc, thư ký công ty đã tham gia chương trình đào tạo Quản trị công ty cho các Công ty cổ phần đại chúng tại Trung Tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng Khoán – Ủy ban Chứng Khoán nhà nước từ các năm trước/ Mr. Le Huy Bich – Deputy General Director and Corporate Secretary, has participated in the Corporate Governance training program for public joint-stock companies at the Center for Scientific Research and Securities Training – State Securities Commission in previous years.

Ông Lưu Thanh Tùng – Người phụ trách Quản trị công ty, thư ký công ty đã tham gia chương trình đào tạo Quản trị công ty cho các Công ty cổ phần đại chúng tại Trung Tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng Khoán – Ủy ban Chứng Khoán nhà nước từ các năm trước/ Mr. Luu Thanh Tung – Person in charge of corporate governance and Corporate Secretary, has participated in the Corporate Governance training program for public joint-stock companies at the Center for Scientific Research and Securities Training – State Securities Commission in previous years

**VII. Danh sách về người có liên quan của Công ty và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty (Báo cáo 6 tháng năm 2026)/The list of affiliated persons of the public company and transactions of affiliated persons of the Company (Report for the first half of 2026):****1. Danh sách về người có liên quan của công ty/The list of affiliated persons of the Company**

Xem tài liệu đính kèm: Phụ lục 1/Review attached document: Appendix 1

**2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons**

Xem tài liệu đính kèm: Phụ lục 2/Review attached document: Appendix 2

**3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát/ Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power: Không có/ None.****4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/ Transactions between the Company and other objects: Không có/ None.**

**VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng năm 2026)/ *Share transactions of internal persons and their affiliated persons (Report for the first half of 2026)***

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/*The list of internal persons and their affiliated persons*

*Xem tài liệu đính kèm: Phụ lục 3/ Review attached document: Appendix 3*

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/ *Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company* : Không có/ *None*

**IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues:** Không có/ *None*

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHAIRWOMAN OF THE BOARD  
OF DIRECTORS**



**Mai Kiều Liên**

## BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY/REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE

### PHỤ LỤC 01: DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN TỚI CÔNG TY/The list of affiliated persons of the Company

Kỳ báo cáo/Reporting period: 30.06.2026

| STT No | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of organization/individual                                                            | Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có)<br>Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>Position at the Company (if any) | Số Giấy NSH | Ngày cấp/date of issue | Nơi cấp/Place                                                       | Địa chỉ liên hệ/Contact address                                                                                                                                                                                                                             | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br>Time of starting to be affiliated person | Thời điểm không còn là người có liên quan<br>Time of ending to be affiliated person | Lý do<br>Reasons | Mối quan hệ liên quan với công ty/<br>Relationship with the Company                 |
|--------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------|---------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| 1      | Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam/ Vietnam Dairy Products Joint Stock Company                                          |                                                                                |                                                                  | 0300588569  | 06/12/2022             | Sở KH&ĐT HCM/Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment | 10 Tân Trào, Phường Tân Mỹ, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam/ 10 Tan Trao Street, Tan My Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.                                                                                                                                           | 16/02/2020                                                                          |                                                                                     |                  | Công ty mẹ cao cấp nhất/The highest parent company                                  |
| 2      | Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP/ Vietnam Livestock Corporation - Joint Stock Company                       |                                                                                |                                                                  | 0100104443  | 16/11/2023             | Sở KH&ĐT Hà Nội/Hanoi Department of Planning and Investment         | Số 519, đường Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, TP Hà Nội, Việt Nam/ No. 519, Minh Khai Street, Vinh Tuy Ward, Hanoi City, Vietnam.                                                                                                                               | 16/02/2020                                                                          |                                                                                     |                  | Công ty mẹ trực tiếp/Direct parent company                                          |
| 3      | Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam/ Vietnam Dairy Cow One Member Co., Ltd                                           |                                                                                |                                                                  | 5000268824  | 11/07/2007             | Việt Nam/Vietnam                                                    | 10 Tân Trào, Phường Tân Mỹ, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam/ 10 Tan Trao Street, Tan My Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.                                                                                                                                           | 16/02/2020                                                                          |                                                                                     |                  | Công ty con của Công ty mẹ cao cấp nhất/A subsidiary of the ultimate parent company |
| 4      | Công ty TNHH MTV Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa/ Thong Nhat Thanh Hoa Dairy Cow Co., Ltd                             |                                                                                |                                                                  | 2801971744  | 21/10/2013             | Việt Nam/Vietnam                                                    | Khu phố Sao Đỏ, Thị Trấn Thông Nhất, Huyện Yên Định, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam/ Sao Do Neighborhood, Thong Nhat Town, Yen Dinh District, Thanh Hoa Province, Vietnam.                                                                                        | 16/02/2020                                                                          |                                                                                     |                  | Công ty con của Công ty mẹ cao cấp nhất/A subsidiary of the ultimate parent company |
| 5      | Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội/ Hanoi Peter Hand Animal Developing Limited Liability Company |                                                                                |                                                                  | 0100149691  | 28/10/2015             | Sở KH&ĐT Hà Nội/Hanoi Department of Planning and Investment         | Số 36 Phố Hoàng Ngân, Phường Yên Hòa, TP Hà Nội, Việt Nam/ No. 36 Hoang Ngan Street, Yen Hoa Ward, Hanoi City, Vietnam.                                                                                                                                     | 16/02/2020                                                                          |                                                                                     |                  | Công ty liên kết của Công ty mẹ/An affiliate of the Immediate parent company        |
| 6      | Driftwood Dairy Holding Corporation                                                                               |                                                                                |                                                                  | 201600140   | 30/08/2019             | Mỹ<br>United States                                                 | Số 10724, Giao lộ Lower Azusa, và El Monte Boulevards, California 91731 - 1390, Mỹ/ No. 10724, Intersection of Lower Azusa and El Monte Boulevards, California 91731-1390, USA.                                                                             | 16/02/2020                                                                          |                                                                                     |                  | Công ty con của Công ty mẹ cao cấp nhất/A subsidiary of the ultimate parent company |
| 7      | Angkor Dairy Products Co.,Ltd                                                                                     |                                                                                |                                                                  | 201700294   | 31/1/2020              | Campuchia/<br>Cambodia                                              | Lô P2-096 và P2-097, đặc khu kinh tế Phnom Penh (PPSEZ), Quốc lộ 4, Phan Posenchey, Phnom Penh, Vương Quốc Campuchia/ Lots P2-096 and P2-097, Phnom Penh Special Economic Zone (PPSEZ), National Highway 4, Khan Posenchey, Phnom Penh, Kingdom of Cambodia | 16/02/2020                                                                          |                                                                                     |                  | Công ty con của Công ty mẹ cao cấp nhất/A subsidiary of the ultimate parent company |

| STT No | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of organization/individual                           | Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có)<br>Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>Position at the Company (if any) | Số Giấy NSH   | Ngày cấp/date of issue | Nơi cấp/Place                                                             | Địa chỉ liên hệ/Contact address                                                                                                                                                                                   | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br>Time of starting to be affiliated person | Thời điểm không còn là người có liên quan<br>Time of ending to be affiliated person | Lý do Reasons | Mối quan hệ liên quan với công ty/<br>Relationship with the Company                                                |
|--------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|---------------|------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 8      | Công ty Cổ Phần Đường Việt Nam/ Viet Nam Sugar Joint Stock Company               |                                                                                |                                                                  | 4200239089    | 25/01/2007             | Việt Nam/<br>Vietnam                                                      | Thôn Thủy Xương, Xã Suối Hiệp, Tỉnh Khánh Hòa/ Thủy Xuong Hamlet, Suoi Hiep Commune, Khanh Hoa Province.                                                                                                          | 16/02/2020                                                                          |                                                                                     |               | Công ty con của Công ty mẹ cao cấp nhất/A subsidiary of the ultimate parent company                                |
| 9      | Lao - Jargo Development XiengkhouangCo.,Ltd                                      |                                                                                |                                                                  | 201800555     | 26/09/2018             | Lào<br>Lao                                                                | Boungvene Village, Paek District, Xiengkhouang Province, Lao PDR                                                                                                                                                  | 16/02/2020                                                                          |                                                                                     |               | Công ty con của Công ty mẹ cao cấp nhất/A subsidiary of the ultimate parent company                                |
| 10     | Công ty TNHH JV Meat/ JV MEAT COMPANY LIMITED                                    |                                                                                |                                                                  | 2500735831    |                        | Việt Nam/<br>Vietnam                                                      | Số 1, Đường Trần Phú, Phường Vĩnh Phúc, Tỉnh Phú Thọ/ No. 1, Tran Phu Street, Vinh Phuc Ward, Phu Tho Province                                                                                                    |                                                                                     |                                                                                     |               | Công ty con của Công ty mẹ cao cấp nhất/A subsidiary of the ultimate parent company                                |
| 11     | Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật/ Japan Vietnam Livestock Company Limited        |                                                                                |                                                                  | 0109752537    | 27/09/2021             | Sở KH&ĐT TP Hà Nội<br>Hanoi City<br>Department of Planning and Investment | Số 519, đường Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, TP Hà Nội, Việt Nam/ No. 519, Minh Khai Street, Vinh Tuy Ward, Hanoi City, Vietnam.                                                                                     | 27/09/2021                                                                          |                                                                                     |               | Công ty con của Công ty mẹ/A subsidiary of the Immediate parent company                                            |
| 12     | Taupomh Limited (trước đây là “Miraka Holdings Limited”)                         |                                                                                |                                                                  | 389/BKH-ĐTRNN | 11/09/2010             | New Zealand                                                               | Tòa nhà c/-Beker Findlay Allen, 108 Tuwharetoa St, Po Box 1091, Taupo, New Zealand / C/-Beker Findlay Allen Building, 108 Tuwharetoa Street, PO Box 1091, Taupo, New Zealand                                      | 16/02/2020                                                                          |                                                                                     |               | Công ty liên doanh, liên kết của Công ty mẹ cấp cao nhất/A joint venture, affiliate of the ultimate parent company |
| 13     | Công ty Cổ phần Apis/ Apis Corporation                                           |                                                                                |                                                                  | 0312705358    | 25/3/2014              | Việt Nam/<br>Vietnam                                                      | Số 18A-18B VSIP II-A, đường số 27, khu công nghiệp Việt Nam, Phường Vĩnh Tân, TP Hồ Chí Minh/ No. 18A-18B VSIP II-A, Street No. 27, Vietnam Industrial Park, Vinh Tan Ward, Ho Chi Minh City.                     | 16/02/2020                                                                          |                                                                                     |               | Công ty liên doanh, liên kết của Công ty mẹ cấp cao nhất/A joint venture, affiliate of the ultimate parent company |
| 14     | Công ty Cổ phần Chế biến dừa Ấ Châu/ Asia Coconut Processing Joint Stock Company |                                                                                |                                                                  | 1300975859    | 19/12/2014             | Việt Nam/<br>Vietnam                                                      | Lô EI-2, EI-3, EI-4, khu công nghiệp Giao Long, giai đoạn II, Xã Giao Long, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam/ Lots EI-2, EI-3, EI-4, Giao Long Industrial Park, Phase II, Giao Long Commune, Vinh Long Province, Vietnam. | 16/02/2020                                                                          |                                                                                     |               | Công ty liên doanh, liên kết của Công ty mẹ cấp cao nhất/A joint venture, affiliate of the ultimate parent company |

| STT<br>No | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of<br>organization/individual                         | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán(nếu có)<br>Securities<br>trading account<br>(if any) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có) Position at<br>the Company<br>(if any) | Số Giấy<br>NSH | Ngày<br>cấp/date of<br>issue | Nơi cấp/Place                                                                     | Địa chỉ liên hệ/Contact<br>address                                                                                                                                                          | Thời điểm bắt đầu là<br>người có liên quan<br>Time of starting<br>to be affiliated person | Thời điểm không còn<br>là người có liên quan<br>Time of ending to be<br>affiliated person | Lý do<br>Reasons | Mối quan hệ liên quan<br>với công ty/<br>Relationship with the<br>Company          |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|----------------|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------|
| 15        | Công ty Cổ phần Thực phẩm<br>Lâm Đồng/ Lam Dong<br>Foodstuffs JSC                 |                                                                                            |                                                                           | 5800408245     | 08/10/2020                   | Sở KH&ĐT Lâm<br>Đồng<br>Lam Dong<br>Department of<br>Planning and<br>Investment   | Số 31 đường Ngô Văn Sở,<br>Phường Lâm Viên - Đà Lạt,<br>Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam/<br>No. 31 Ngo Van So Street,<br>Lam Vien Ward, Da Lat City,<br>Lam Dong Province, Vietnam.                 | 16/02/2020                                                                                |                                                                                           |                  | Công ty liên kết của Công<br>ty mẹ/An affiliate of the<br>Immediate parent company |
| 16        | Tổng Công ty Chè Việt Nam -<br>CTCP/ he Vietnam National<br>Tea Corporation - JSC |                                                                                            |                                                                           | 0100103915     | 07/01/2021                   | Sở KH&ĐT Hà<br>Nội<br>Hanoi<br>Department of<br>Planning and<br>Investment        | Số 92 Võ Thị Sáu, Phường<br>Thanh Nhân, Quận Hai Bà<br>Trung, Thành phố Hà Nội,<br>Việt Nam/ No. 92 Vo Thi Sau<br>Street, Thanh Nhan Ward, Hai<br>Ba Trung District, Hanoi City,<br>Vietnam | 16/02/2020                                                                                |                                                                                           |                  | Công ty liên kết của Công<br>ty mẹ/An affiliate of the<br>Immediate parent company |
| 17        | Công ty Cổ phần Nhựa miền<br>Trung/ Mientrung Plastic<br>Corporation              |                                                                                            |                                                                           | 4000933719     | 16/7/2020                    | Sở KH&ĐT<br>Quảng Nam<br>Quang Nam<br>Department of<br>Planning and<br>Investment | Lô 5 KCN Điện Nam - Điện<br>Ngọc, Phường Điện Bàn Đông,<br>TP Đà Nẵng, Việt Nam/ Lot 5,<br>Dien Nam - Dien Ngoc<br>Industrial Park, Dien Ban<br>Dong Ward, Da Nang City,<br>Vietnam.        | 16/02/2020                                                                                |                                                                                           |                  | Công ty liên kết của Công<br>ty mẹ/An affiliate of the<br>Immediate parent company |

**BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY/REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE**

**PHỤ LỤC 2: Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons**

*Kỳ báo cáo/Reporting period: 30.06.2026*

| STT No | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of organization/individual                                     | Mối quan hệ liên quan với công ty/<br>Relationship with the Company                 | Số Giấy NSH | Ngày cấp/date of issue | Nơi cấp/Place                                                       | Địa chỉ liên hệ/Contact address                                                                                               | Thời điểm giao dịch với công ty/<br>Time of transactions with the Company | Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT/ AGM's Board resolution (if any)                                               | Nội dung giao dịch/Description of transaction        | Giá trị giao dịch /Total transaction value (đồng/VND) | Ghi chú/ Notes |
|--------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------|---------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|----------------|
| 1      | Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam/Vietnam Dairy Products Joint Stock Company                    | Công ty mẹ cao cấp nhất/The highest parent company                                  | 0300588569  | 06/12/2022             | Sở KH&ĐT HCM/Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment | 10 Tân Trào, Phường Tân Mỹ, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam/ 10 Tan Trao Street, Tan My Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.             | Năm 2025/ Year 2025                                                       | Nghị quyết HĐQT số 30/NQ- HĐQT/MCM/2026 ngày 27/03/2026/ BOD Resolution No. 30/NQ- HĐQT/MCM/2026 dated March 27, 2026 | Bán hàng hóa, dịch vụ/ Selling goods and services    | 327.411.140.779                                       |                |
| 2      | Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam/Vietnam Dairy Products Joint Stock Company                    | Công ty mẹ cao cấp nhất/The highest parent company                                  | 0300588569  | 06/12/2022             | Sở KH&ĐT HCM/Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment | 10 Tân Trào, Phường Tân Mỹ, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam/ 10 Tan Trao Street, Tan My Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.             | Năm 2025/ Year 2025                                                       | Nghị quyết HĐQT số 30/NQ- HĐQT/MCM/2026 ngày 27/03/2026/ BOD Resolution No. 30/NQ- HĐQT/MCM/2026 dated March 27, 2026 | Mua hàng hóa, dịch vụ/Purchase of goods and services | 7.716.672.499                                         |                |
| 3      | Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam/Vietnam Dairy Products Joint Stock Company                    | Công ty mẹ cao cấp nhất/The highest parent company                                  | 0300588569  | 06/12/2022             | Sở KH&ĐT HCM/Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment | 10 Tân Trào, Phường Tân Mỹ, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam/ 10 Tan Trao Street, Tan My Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.             | Năm 2026/ Year 2026                                                       | Nghị quyết HĐQT số 30/NQ- HĐQT/MCM/2026 ngày 27/03/2026/ BOD Resolution No. 30/NQ- HĐQT/MCM/2026 dated March 27, 2026 | Cổ tức/Dividend                                      | 9.737.790.000                                         |                |
| 4      | Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP/Vietnam Livestock Corporation - Joint Stock Company | Công ty mẹ trực tiếp/Direct parent company                                          | 0100104443  | 16/11/2023             | Sở KH&ĐT Hà Nội/Hanoi Department of Planning and Investment         | Số 519, đường Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, TP Hà Nội, Việt Nam/ No. 519, Minh Khai Street, Vinh Tuy Ward, Hanoi City, Vietnam. | Năm 2026/ Year 2026                                                       | Nghị quyết HĐQT số 30/NQ- HĐQT/MCM/2026 ngày 27/03/2026/ BOD Resolution No. 30/NQ- HĐQT/MCM/2026 dated March 27, 2026 | Mua hàng hóa, dịch vụ/Purchase of goods and services | 320.000.000                                           |                |
| 5      | Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP/Vietnam Livestock Corporation - Joint Stock Company | Công ty mẹ trực tiếp/Direct parent company                                          | 0100104443  | 16/11/2023             | Sở KH&ĐT Hà Nội/Hanoi Department of Planning and Investment         | Số 519, đường Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, TP Hà Nội, Việt Nam/ No. 519, Minh Khai Street, Vinh Tuy Ward, Hanoi City, Vietnam. | Năm 2026/ Year 2026                                                       | Nghị quyết HĐQT số 30/NQ- HĐQT/MCM/2026 ngày 27/03/2026/ BOD Resolution No. 30/NQ- HĐQT/MCM/2026 dated March 27, 2026 | Cổ tức/Dividend                                      | 65.229.971.000                                        |                |
| 6      | Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam/ Vietnam Dairy Cow One Member Co., Ltd                    | Công ty con của Công ty mẹ cao cấp nhất/A subsidiary of the ultimate parent company | 5000268824  | 11/07/2007             | Việt Nam/Vietnam                                                    | 10 Tân Trào, Phường Tân Mỹ, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam/ 10 Tan Trao Street, Tan My Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.             | Năm 2026/ Year 2026                                                       | Nghị quyết HĐQT số 30/NQ- HĐQT/MCM/2026 ngày 27/03/2026/ BOD Resolution No. 30/NQ- HĐQT/MCM/2026 dated March 27, 2026 | Mua hàng hóa, dịch vụ/Purchase of goods and services | 3.353.006.380                                         |                |

|   |                                                                                                                         |                                                                                                 |                |            |                                                                            |                                                                                                                               |                        |                                                                                                                                                                                       |                                                  |                |  |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------------|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------|--|
| 7 | Công ty TNHH Phát triển Lào- Jagro Xiêng<br>Khoảng/ Lao-Jagro Development Xiengkhouang<br>Co.Ltd                        | Công ty con của<br>Công ty mẹ cao cấp<br>nhất/A subsidiary of<br>the ultimate parent<br>company | 583429006-9-00 |            | Lào/ Lao                                                                   | Làng Tonneua, quận Paek, tỉnh Xiêng Khoảng, Lào/<br>Tonneua Village, Paek District, Xieng Khouang<br>Province, Lao PDR        | Năm 2026/ Year<br>2026 | Nghị quyết HĐQT số<br>15/NQ-<br>HĐQT/MCM/2026<br>ngày 25/02/2026/<br><i>Resolution of the<br/>Board of Directors<br/>No. 15/NQ-<br/>HĐQT/MCM/2026<br/>dated February 25,<br/>2026</i> | Mua Tài sản cố định/ Purchase of<br>Fixed Assets | 40.926.901.758 |  |
| 8 | Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà<br>Nội/ Hanoi Peter Hand Animal Developing Limited<br>Liability Company | Công ty liên kết của<br>Công ty mẹ/An<br>affiliate of the<br>Immediate parent<br>company        | 0100149691     | 28/10/2015 | Sở KH&ĐT<br>Hà Nội/Hanoi<br>Department<br>of Planning<br>and<br>Investment | Số 36 Phố Hoàng Ngân, Phường Yên Hòa, TP Hà<br>Nội, Việt Nam/ No. 36 Hoang Ngan Street, Yen Hoa<br>Ward, Hanoi City, Vietnam. | Năm 2026/ Year<br>2026 | Nghị quyết HĐQT số<br>30/NQ-<br>HĐQT/MCM/2026<br>ngày 27/03/2026/<br><i>BOD Resolution No.<br/>30/NQ-<br/>HĐQT/MCM/2026<br/>dated March 27,<br/>2026</i>                              | Mua hàng hóa/Purchase of goods                   | 5.265.150.000  |  |

**BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY/REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE**

**PHỤ LỤC 3: Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/The list of internal persons and their affiliated persons**

Kỳ báo cáo/Reporting period: 30.06.2026

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

| Stt No. | Mã CK Stock symbol | Họ tên Name          | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)                                                | Mối quan hệ đối với người nội bộ Relationship with internal person | Loại hình Giấy NSH (CMND/Passport/Giấy ĐKKD) | Số Giấy NSH (*) NSH No. | Ngày cấp date of issue | Nơi cấp place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of starting to be affiliated person | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of ending to be affiliated person | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|---------|--------------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|-------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 1       | 2                  | 3                    | 4                                                                            | 5                                                                                                            | 6                                                                  | 7                                            | 8                       | 9                      | 10                     | 11                                            | 12                                                                         | 13                                                                                   | 14                                                                                                         | 15                                                                                                         | 16                                                                | 17                                                         |
| 13      | MCM                | Lưu Thanh Tùng       |                                                                              | Người phụ trách quản trị công ty/Person in charge of corporate governance, Thư ký công ty/ Company Secretary |                                                                    |                                              |                         |                        |                        |                                               |                                                                            |                                                                                      | 15/05/2024                                                                                                 |                                                                                                            |                                                                   |                                                            |
| 13.01   | MCM                | Đoàn Ngọc Anh        |                                                                              |                                                                                                              | Vợ/Wife                                                            |                                              |                         |                        |                        |                                               |                                                                            |                                                                                      |                                                                                                            |                                                                                                            |                                                                   |                                                            |
| 13.02   | MCM                | Lưu Anh Minh         |                                                                              |                                                                                                              | Con rể/ Son                                                        |                                              |                         |                        |                        |                                               |                                                                            |                                                                                      |                                                                                                            |                                                                                                            |                                                                   |                                                            |
| 13.03   | MCM                | Lưu Mạnh Hùng        |                                                                              |                                                                                                              | Bố/Father                                                          |                                              |                         |                        |                        |                                               |                                                                            |                                                                                      |                                                                                                            |                                                                                                            |                                                                   |                                                            |
| 13.04   | MCM                | Đỗ Thị Thủy          |                                                                              |                                                                                                              | Mẹ/Mother                                                          |                                              |                         |                        |                        |                                               |                                                                            |                                                                                      |                                                                                                            |                                                                                                            |                                                                   |                                                            |
| 13.05   | MCM                | Lưu Quý Bảo          |                                                                              |                                                                                                              | Em trai/Brother                                                    |                                              |                         |                        |                        |                                               |                                                                            |                                                                                      |                                                                                                            |                                                                                                            |                                                                   |                                                            |
| 13.06   | MCM                | Đoàn Tùng            |                                                                              |                                                                                                              | Bố vợ/ Father in law                                               |                                              |                         |                        |                        |                                               |                                                                            |                                                                                      |                                                                                                            |                                                                                                            |                                                                   |                                                            |
| 13.07   | MCM                | Nguyễn Thị Huệ       |                                                                              |                                                                                                              | Mẹ vợ/ Mother in law                                               |                                              |                         |                        |                        |                                               |                                                                            |                                                                                      |                                                                                                            |                                                                                                            |                                                                   |                                                            |
| 14      | MCM                | Đặng Minh Tuấn       |                                                                              | Thư ký công ty/ Company Secretary                                                                            |                                                                    |                                              |                         |                        |                        |                                               |                                                                            |                                                                                      | 09/02/2026                                                                                                 |                                                                                                            | Bổ nhiệm/Appointment                                              |                                                            |
| 14.01   | MCM                | Đặng Công Minh       |                                                                              |                                                                                                              | Cha/ Father                                                        |                                              |                         |                        |                        |                                               |                                                                            |                                                                                      | 09/02/2026                                                                                                 |                                                                                                            |                                                                   |                                                            |
| 14.02   | MCM                | Trương Thị Minh Linh |                                                                              |                                                                                                              | Mẹ/ Mother                                                         |                                              |                         |                        |                        |                                               |                                                                            |                                                                                      | 09/02/2026                                                                                                 |                                                                                                            |                                                                   |                                                            |
| 14.03   | MCM                | Đặng Minh Quang      |                                                                              |                                                                                                              | Em trai/ Brother                                                   |                                              |                         |                        |                        |                                               |                                                                            |                                                                                      | 09/02/2026                                                                                                 |                                                                                                            |                                                                   |                                                            |
| 14.04   | MCM                | Trần Thị Yến Ngọc    |                                                                              |                                                                                                              | Em dâu/ Sister in law                                              |                                              |                         |                        |                        |                                               |                                                                            |                                                                                      | 09/02/2026                                                                                                 |                                                                                                            |                                                                   |                                                            |